

Số: 198/2018/QĐST-HNGĐ

S, ngày 24 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S – TP. ĐÀ NẴNG

Căn cứ: Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 177/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Ông **Đình Ngọc M**, sinh năm: 1966; Trú tại: Số 116 đường D, phường A, quận S, TP. Đà Nẵng.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và giám hộ của ông Đình Ngọc M: Ông **Chế Giang S**, sinh năm: 1969, Công ty Luật MTV Nguyễn Gia thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng.

+ Bà **Đỗ Hoàng Bích D (Đỗ D)**, sinh năm: 1970; Trú tại: Số 116 đường D, phường A, quận S, TP. Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về thủ tục:** Đơn yêu cầu của ông Đinh Ngọc M và bà Đỗ Hoàng Bích D (Đỗ D) nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về nội dung:** Ông Đinh Ngọc M và bà Đỗ Hoàng Bích D (Đỗ D) kết hôn vào năm 2016 có đăng ký kết hôn tại UBND quận H, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận kết hôn số 70/2016 cấp ngày 10/11/2016. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại phiên hòa giải ông Đinh Ngọc M trình bày ý kiến: Sau khi kết hôn vợ chồng ông, bà về sống tại địa chỉ: Số 116 đường D, phường A, quận S, TP. Đà Nẵng. Vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 9/2016 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông và bà D không hợp nhau về tính cách, về quan điểm sống, về cách sống do bà D là sống Mỹ nhiều năm. Ngoài ra bà D mong muốn được về Mỹ sinh sống còn ông lại muốn sống ở Việt Nam, chính điều này dẫn đến vợ chồng ông, bà thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn cũng đã được vợ chồng ông, bà cố gắng giải quyết nhưng vẫn không có kết quả dẫn đến tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng. Xét về tình cảm ông M xác định không còn yêu thương bà D nữa nên yêu cầu Tòa án cho vợ chồng ông được thuận tình ly hôn.

- Ý kiến của bà Đỗ Hoàng Bích D (Đỗ D): Về thời gian, điều kiện kết hôn cũng như mâu thuẫn của vợ chồng bà hoàn toàn thống nhất như lời trình bày của ông M. Nay bà xác định vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng bà được thuận tình ly hôn

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Đinh Ngọc M và bà Đỗ Hoàng Bích D (Đỗ D) thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa ông M và bà D lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải thì ông M và bà D đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, hiện mâu thuẫn của ông M và bà D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông M và bà D là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Tại phiên hòa giải, ông Đinh Ngọc M và bà Đỗ Hoàng Bích D (Đỗ D) xác định vợ chồng không có con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Tại phiên hòa giải, ông ông Đinh Ngọc M và bà Đỗ Hoàng Bích D (Đỗ D) xác định vợ chồng không có tài sản chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Tại phiên hòa giải, ông Đinh Ngọc M và bà Đỗ Hoàng Bích D (Đỗ D) xác định vợ chồng không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng ông Đinh Ngọc M và bà Đỗ Hoàng Bích D (Đỗ D) phải chịu mỗi người 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) ông, bà đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng theo biên lai số 009096 ngày 20/9/2018.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 16 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó theo quy định tại Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông **Đinh Ngọc M** và bà **Đỗ Hoàng Bích D (Đỗ D)** *(Do công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Đinh Ngọc M và bà Đỗ Hoàng Bích D (Đỗ D) nên Giấy chứng nhận kết hôn số 70/2016 do Ủy ban nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 10/11/2016 không còn giá trị pháp lý).*

- Về quan hệ con chung: Ông Đinh Ngọc M và bà Đỗ Hoàng Bích D (Đỗ D) xác định vợ chồng không có.

- Về quan hệ tài sản chung: Ông Đinh Ngọc M và bà Đỗ Hoàng Bích D (Đỗ D) xác định vợ chồng không có.

- Về quan hệ nợ chung: Ông Đinh Ngọc M và bà Đỗ Hoàng Bích D (Đỗ D) xác định vợ chồng không có.

2. Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng ông Đinh Ngọc M và bà Đỗ Hoàng Bích D (Đỗ D) phải chịu mỗi người 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) ông, bà đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng theo biên lai số 009096 ngày 20/9/2018.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận S;
- UBND quận H;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

PHÙNG ANH DŨNG